

# Kế toán Ngân hàng với hoạt động giao dịch với khách hàng



Người trình bày: Ths Đinh Đức Thịnh  
Chủ nhiệm Bộ môn Kế toán Ngân hàng  
Học viện Ngân hàng

# Mục đích chuyên đề



- Nắm được mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại các Ngân hàng thương mại trong môi trường công nghệ cao
- Các kênh phân phối chủ yếu của NHTM
- Nắm được thực trạng & xu hướng phát triển hệ thống thanh toán qua Ngân hàng

# Đối tượng KTNH tác động đến hoạt động giao dịch



- Đối tượng của Kế toán nói chung là *Vốn và sự vận động của nó trong quá trình SX, KD*
- Đối tượng của Kế toán NHTM là *Vốn và sự vận động của nó trong quá trình thực hiện các chức năng của NH. Có sự khác biệt:*
  - 👉 Chủ yếu tồn tại dưới hình thức giá trị
  - 👉 Có mối quan hệ chặt chẽ với các DN, TCKT, CN..
  - 👉 Quy mô lớn, phạm vi rộng, vận động thường xuyên
  - 👉 Hệ thống ngân hàng hai cấp, chức năng nhiệm vụ mỗi cấp khác nhau nên đối tượng cũng khác nhau.

# Nhiệm vụ

- Ghi chép, phản ánh, tính toán theo đúng pháp luật, chuẩn mực kế toán
- Phân loại, tổng hợp, phân tích & cung cấp thông tin cho các đối tượng để QL, quản trị, kinh doanh ngân hàng
- ☞ Giám đốc quá trình SD tài sản, tăng cường kỷ luật tài chính, củng cố chế độ hạch toán XHCN
- ☞ Tổ chức tốt công tác kế toán tại chi nhánh cũng như toàn hệ thống, giao dịch với khách hàng văn minh, góp phần thực hiện chiến lược khách hàng

# Đặc điểm của kế toán ngân hàng



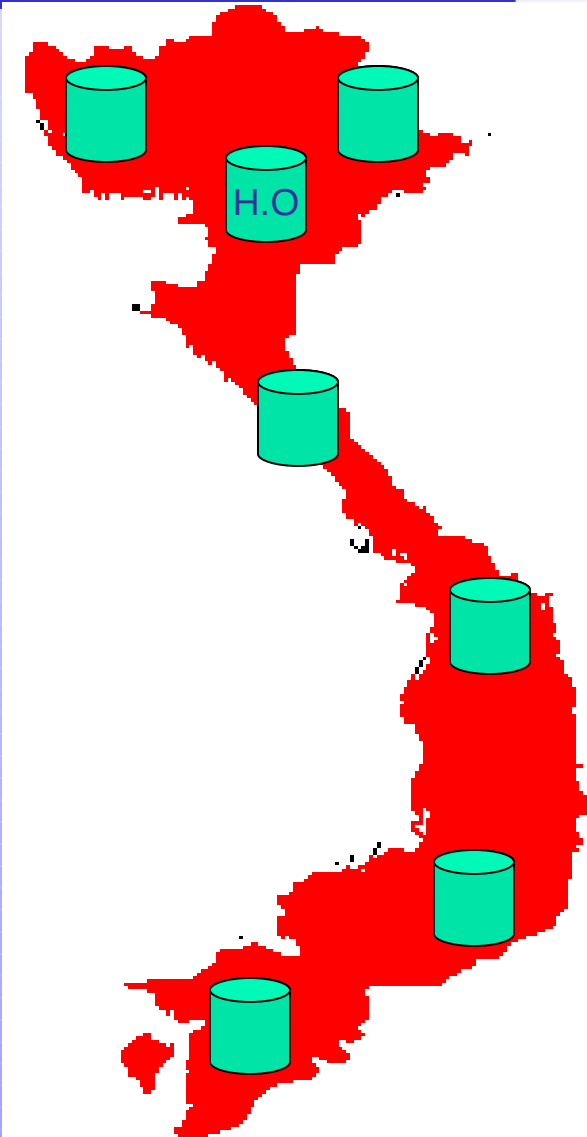
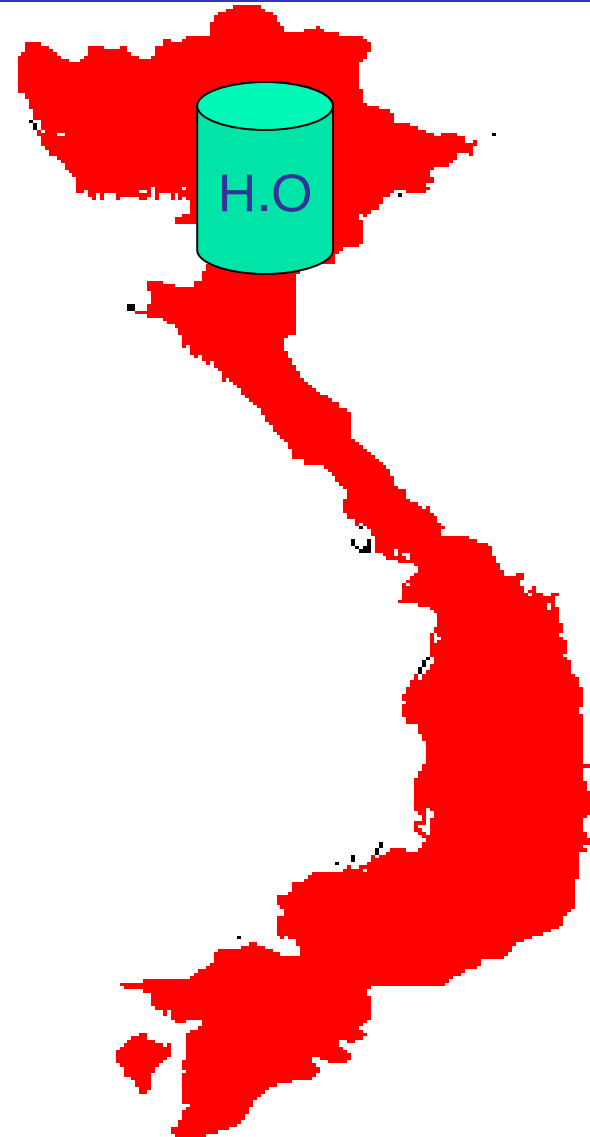
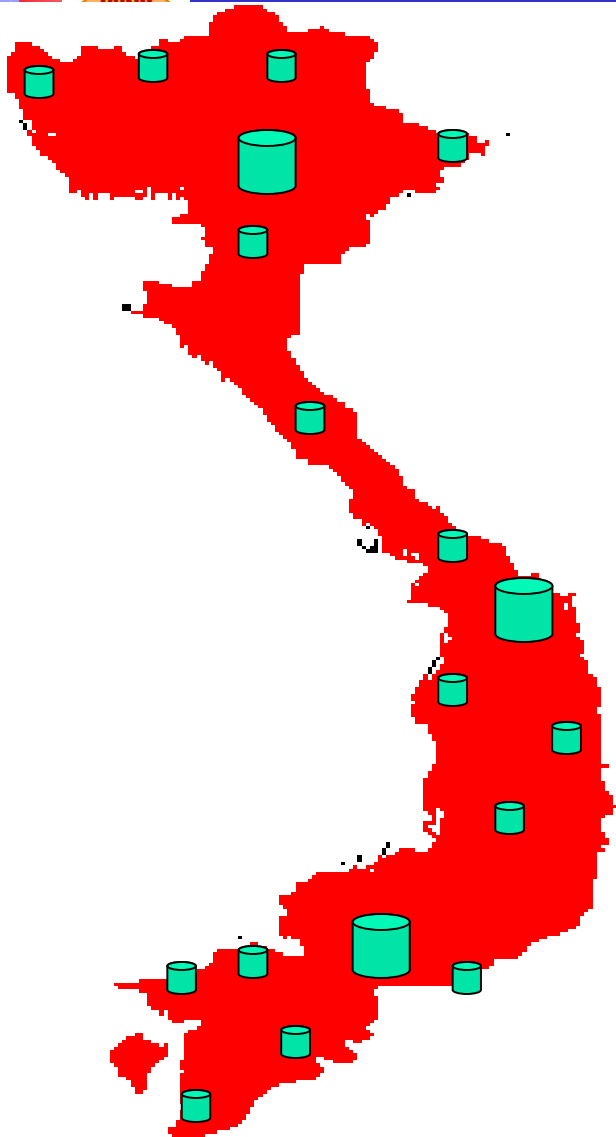
- Kế toán ngân hàng mang tính tổng hợp cao
- Mang tích “cập nhật” và chính xác cao
- 👉 Tiến hành đồng thời giao dịch và hạch toán
- 👉 Chứng từ kế toán ngân hàng có khối lượng rất lớn, đa dạng và luân chuyển phức tạp
- Sử dụng thước đo tiền tệ làm đơn vị đo lường chủ yếu trong hầu hết các nghiệp vụ

# Mô hình tổ chức công tác kế toán

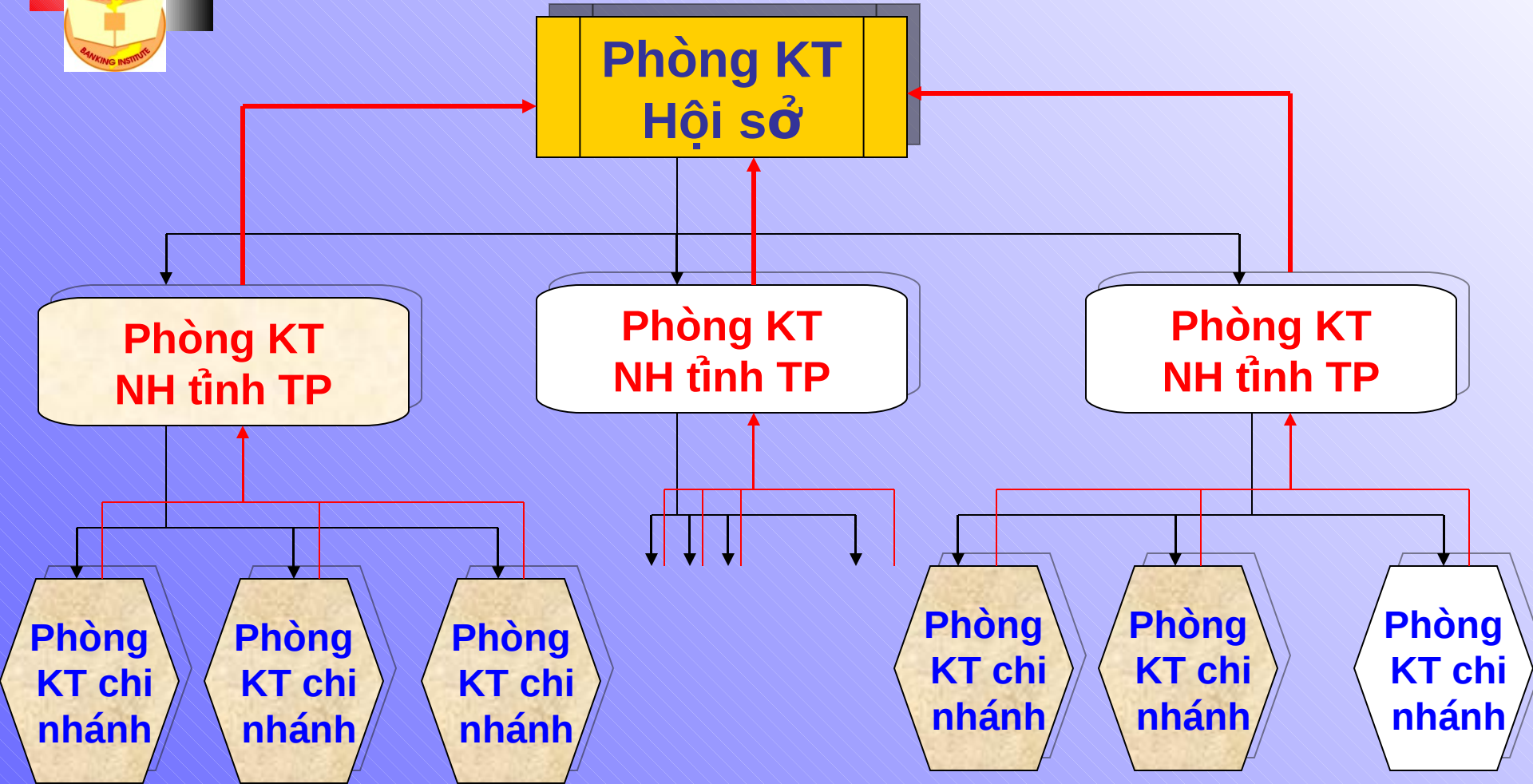


- Kế toán phân tán
  - ☞ Kế toán tập trung
- Kế toán vừa tập trung vừa phân tán (Kế toán phi tập trung )
  - ☞ Kế toán khi ứng dụng công nghệ ngân hàng hiện đại.

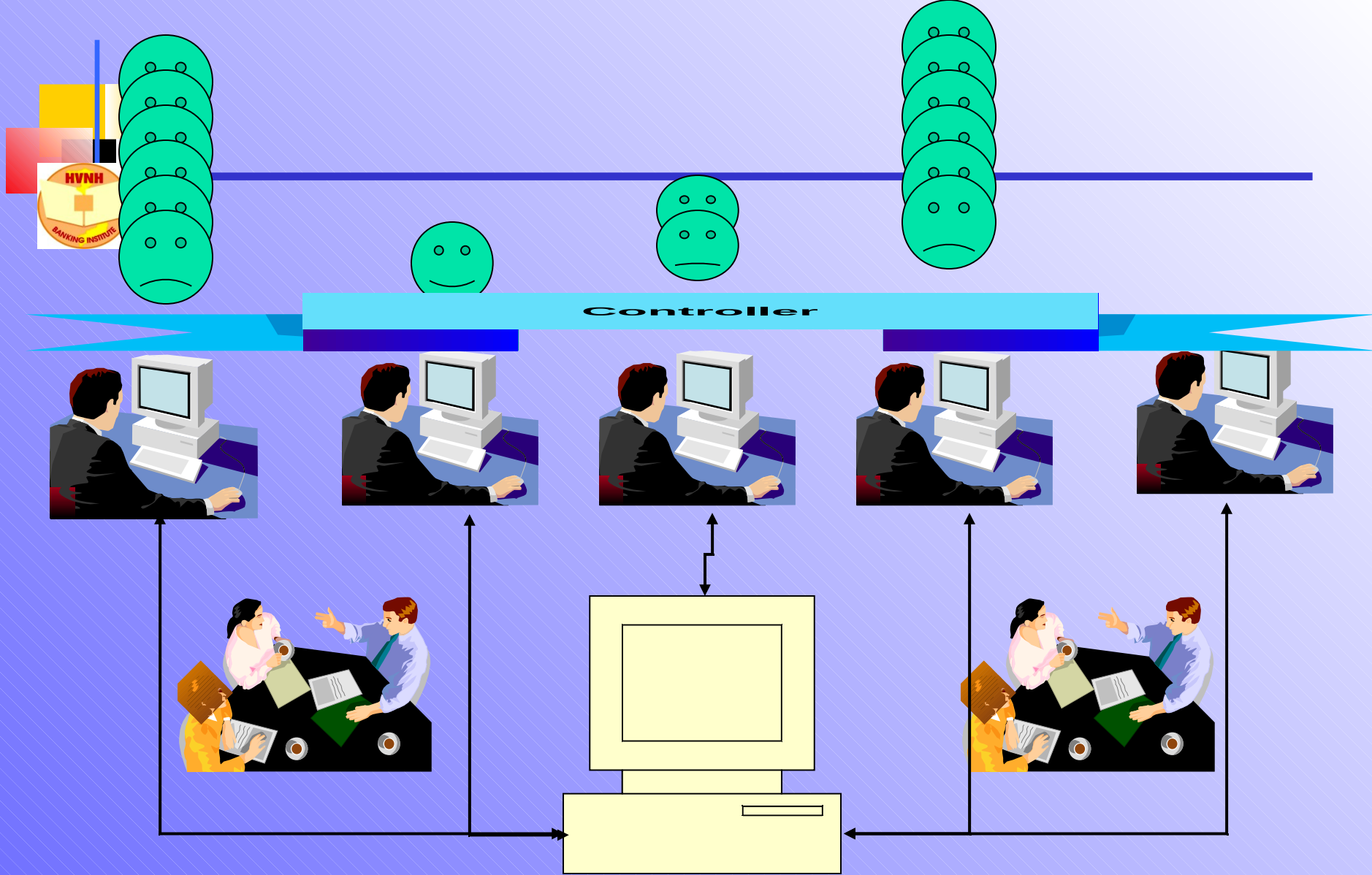
# Mô hình kế toán phân tán, kế toán tập trung & kế toán phi tập trung



# Sơ đồ bộ máy tổ chức kế toán phân tán







# Cấu trúc xử lý nghiệp vụ cấp chi nhánh

HVNH

Self Services



Customer Services

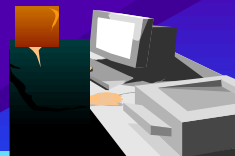
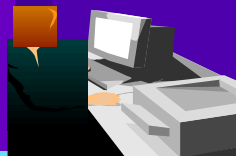
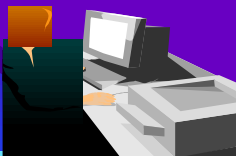
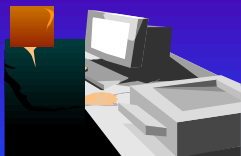


Deposit

withdraw

Transfer

personel



Controller



Back office

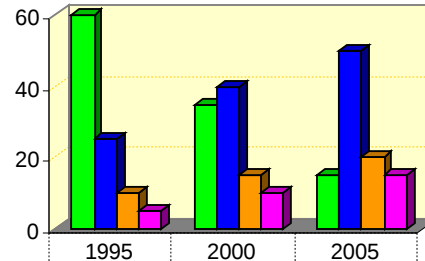


# Thay đổi kênh phân phối

Phân phối tự nhiên

Phân phối qua điện tử

Biến động các kênh phân phối

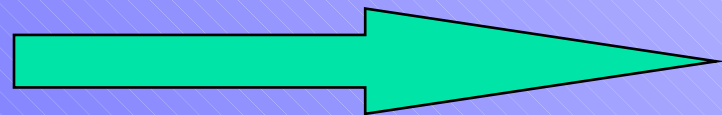
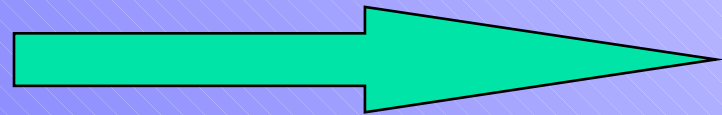
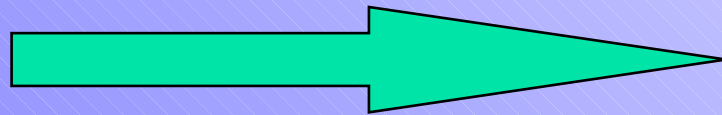


|              | 1995 | 2000 | 2005 |
|--------------|------|------|------|
| Branches     | 60   | 35   | 15   |
| Self-Service | 25   | 40   | 50   |
| Telephone    | 10   | 15   | 20   |
| PC/Other     | 5    | 10   | 15   |

Mong muốn của khách hàng

Ngân hàng

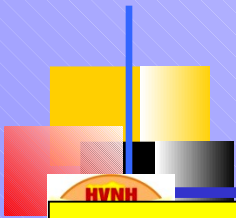
Cho phép của Công nghệ



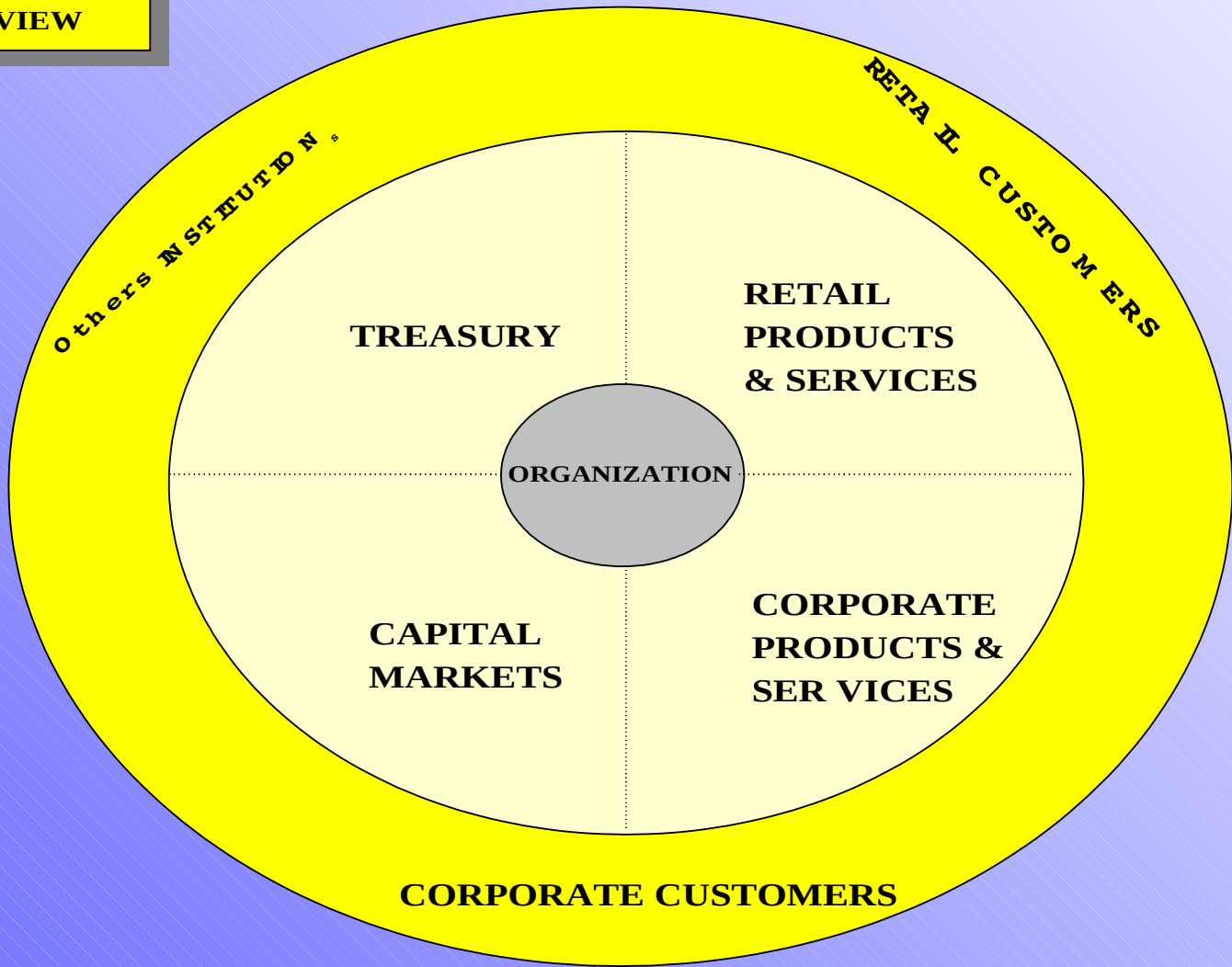
- Tốc độ.
- Tiện ích.
- Thân thiện

- Hiệu quả chi phí
- Thay đổi từ mạng lưới chi nhánh

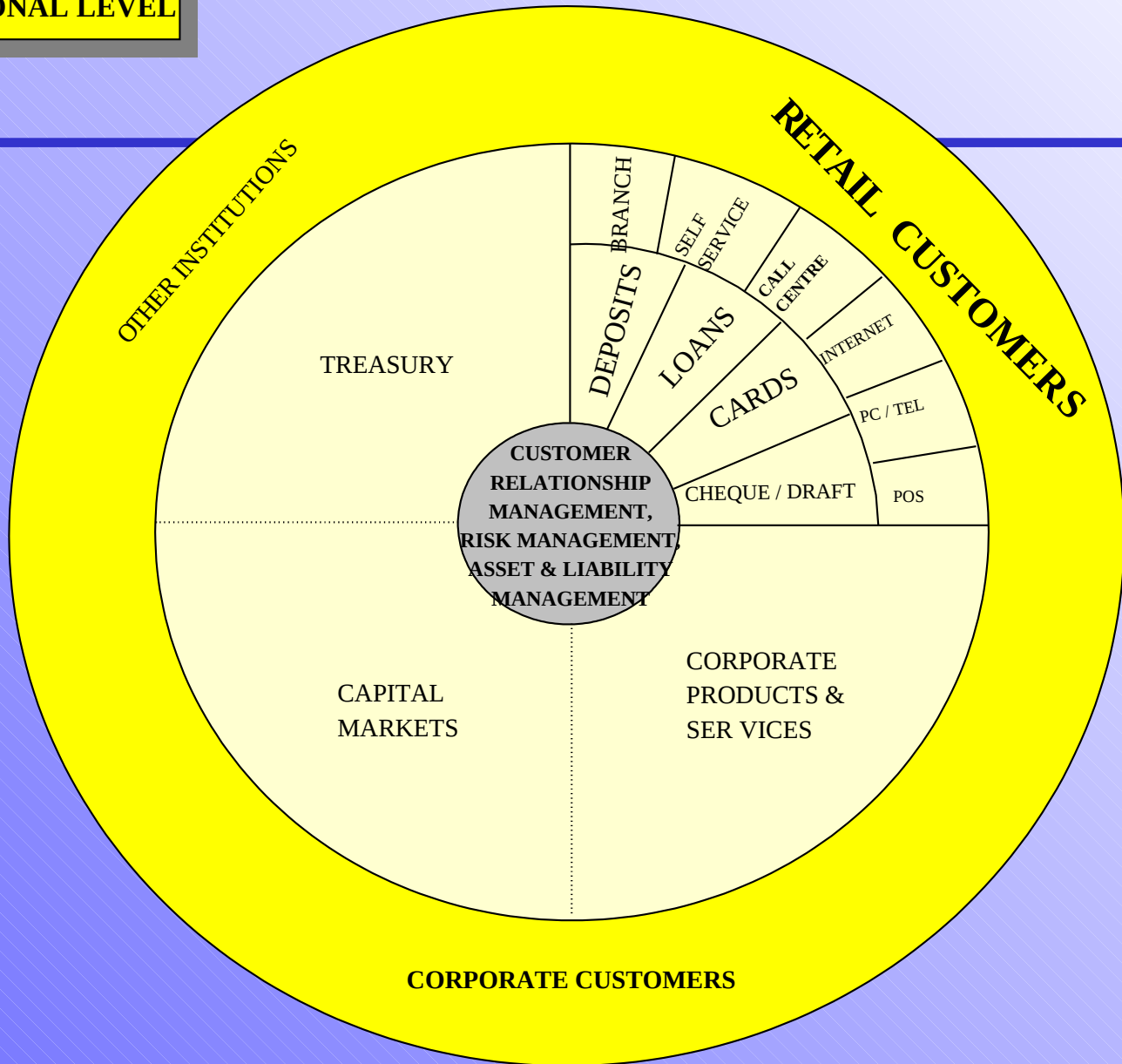
- Internet
- Smart cards



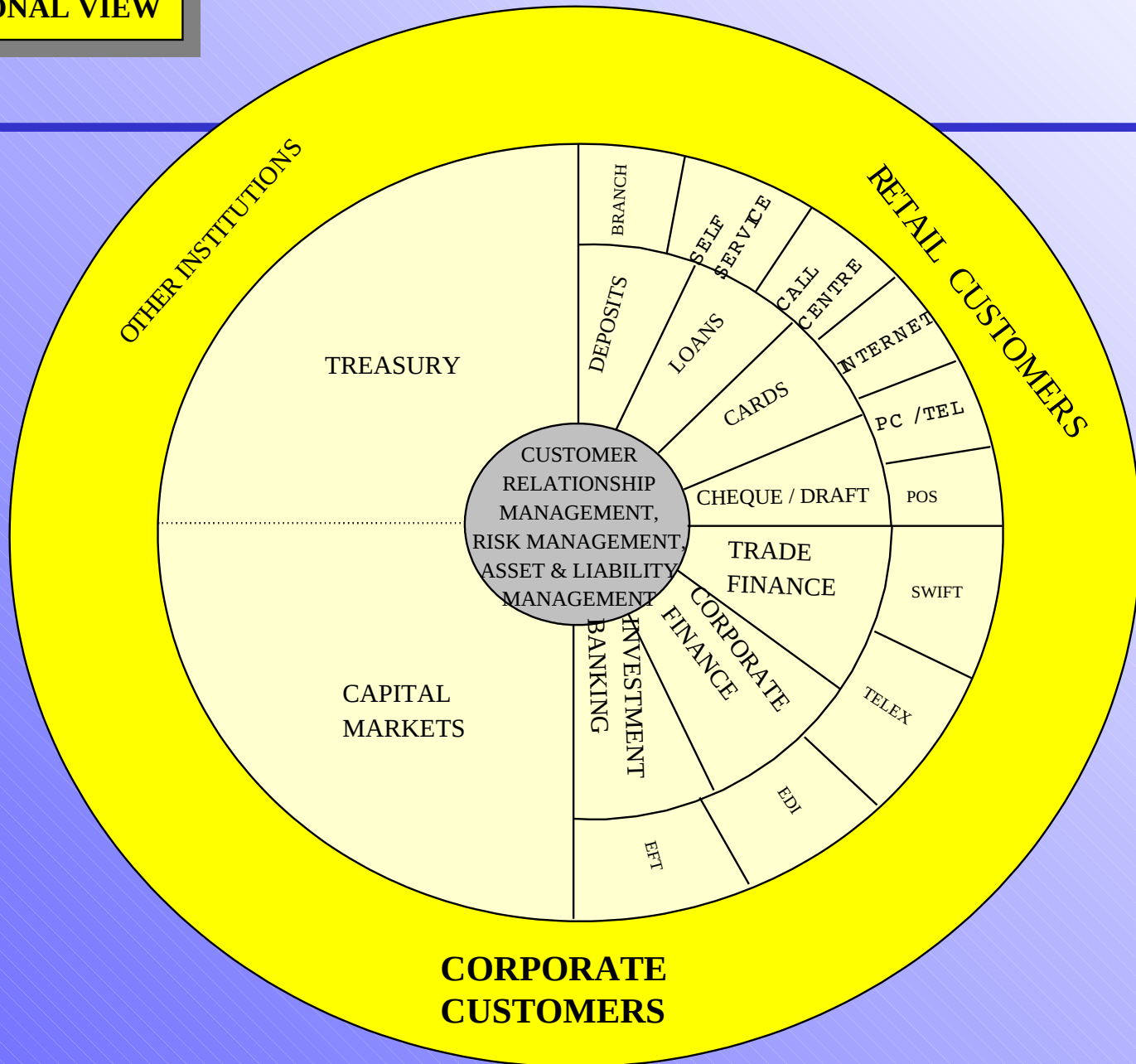
**BUSINESS VIEW**



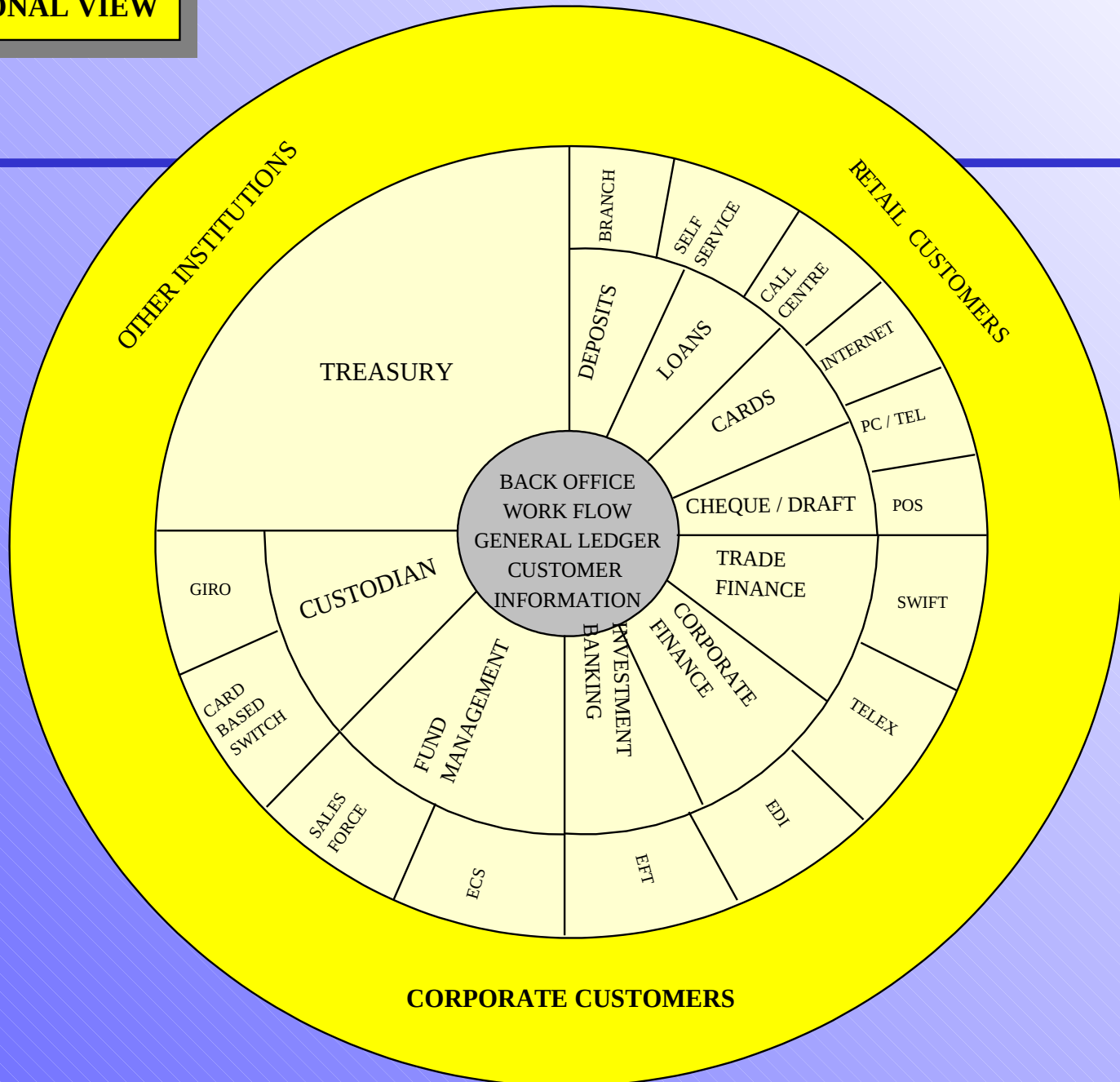
**OPERATIONAL LEVEL**



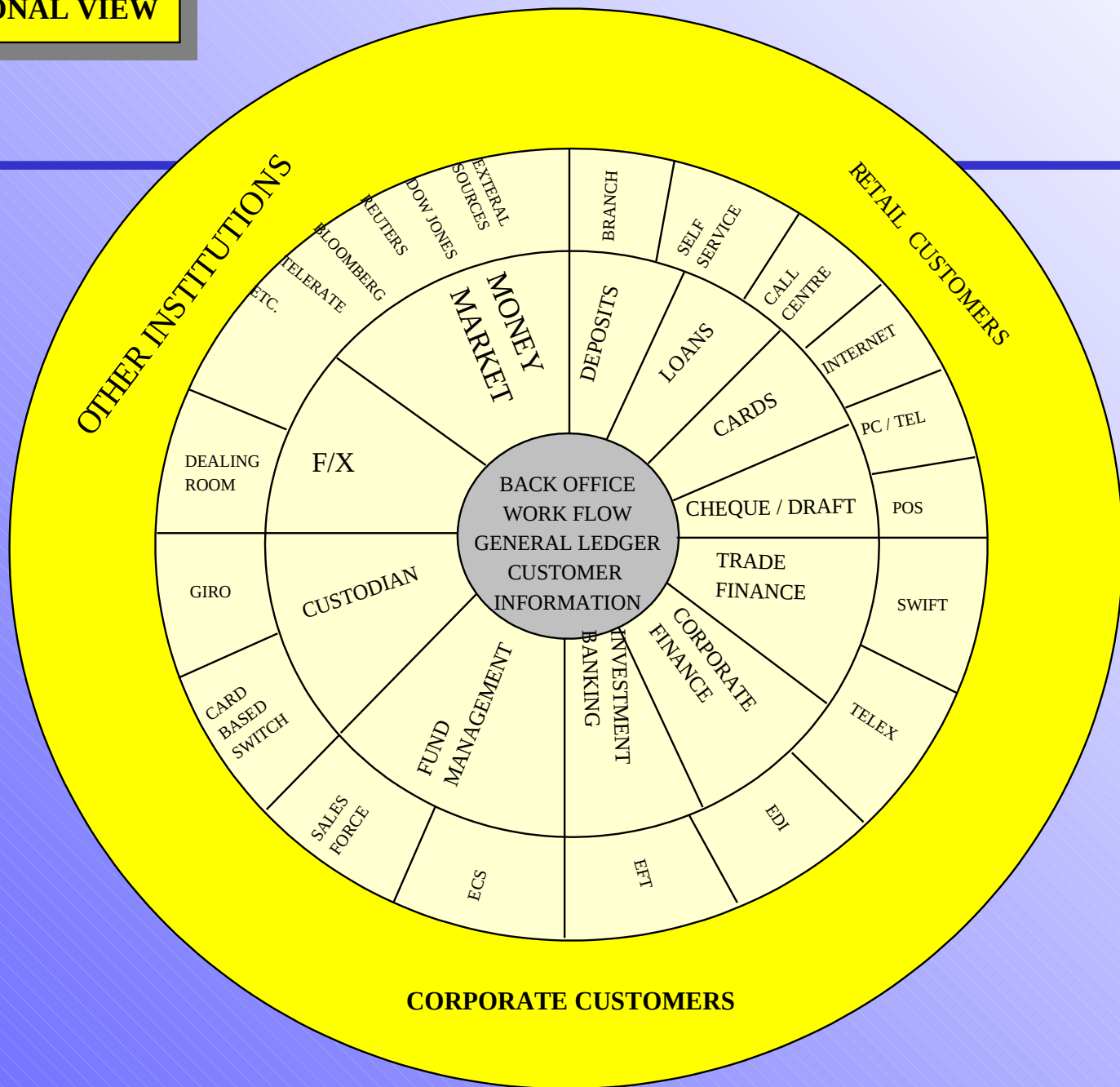
# OPERATIONAL VIEW



# OPERATIONAL VIEW

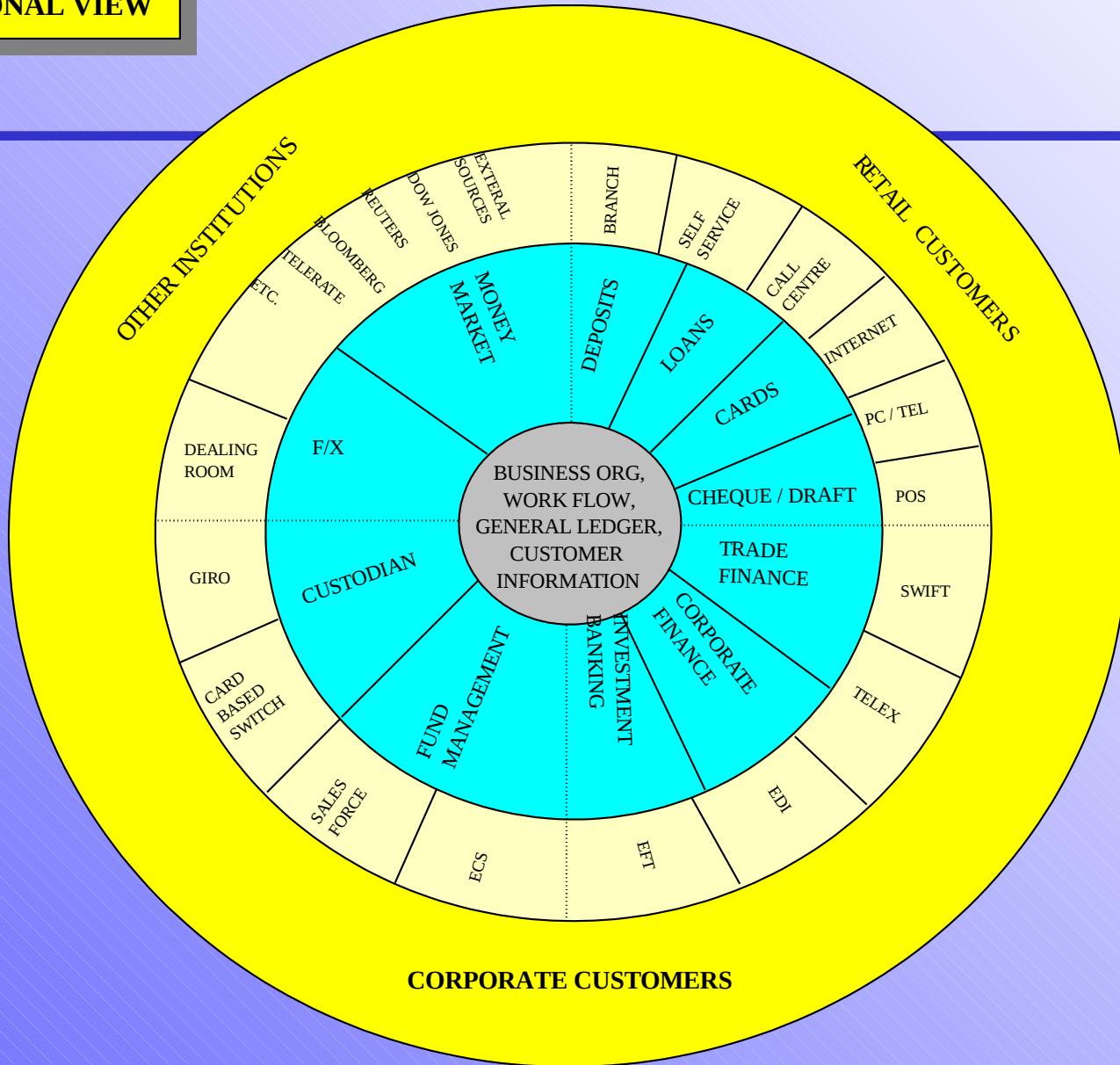


# OPERATIONAL VIEW

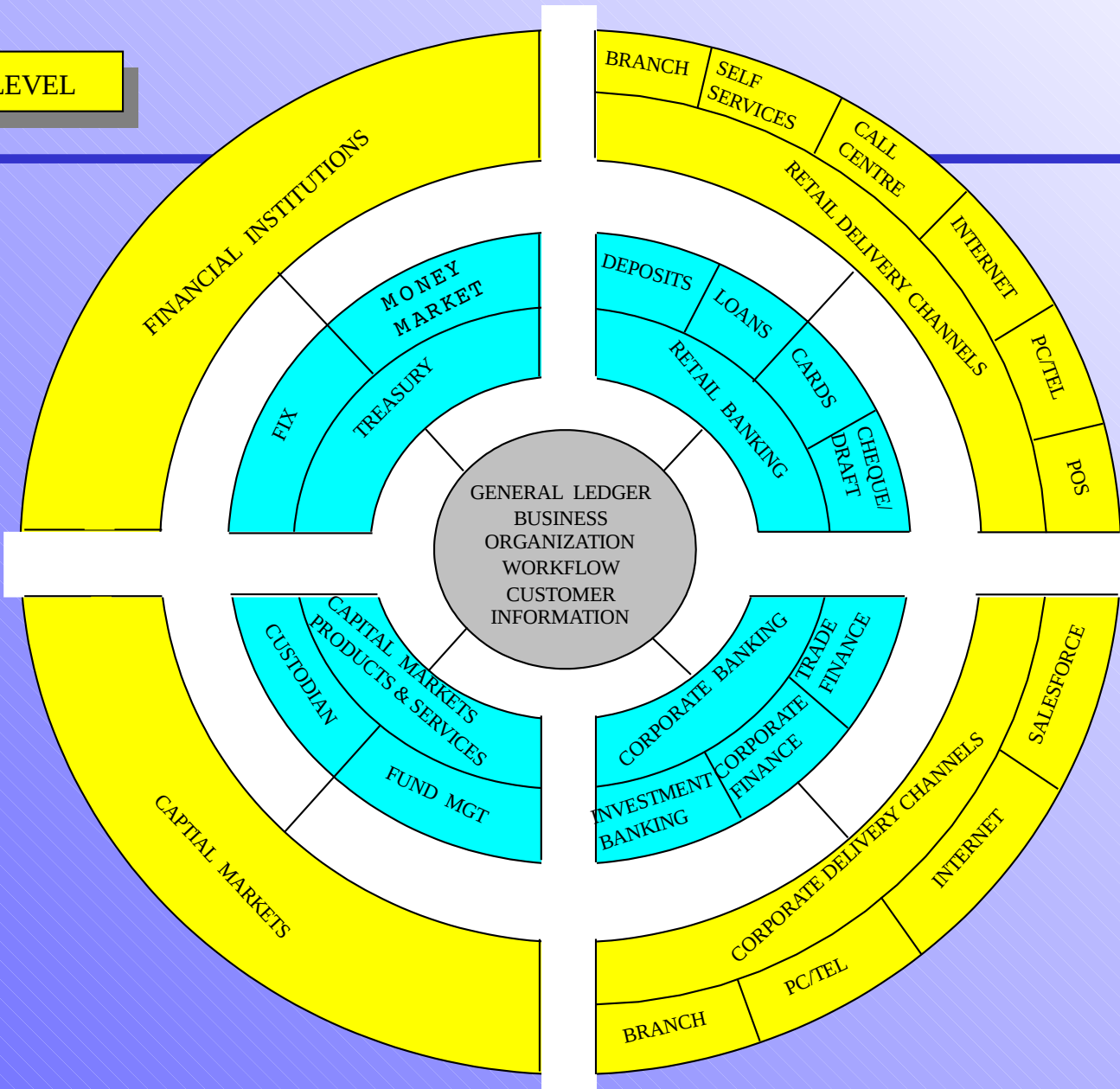




# OPERATIONAL VIEW



OPERATION LEVEL

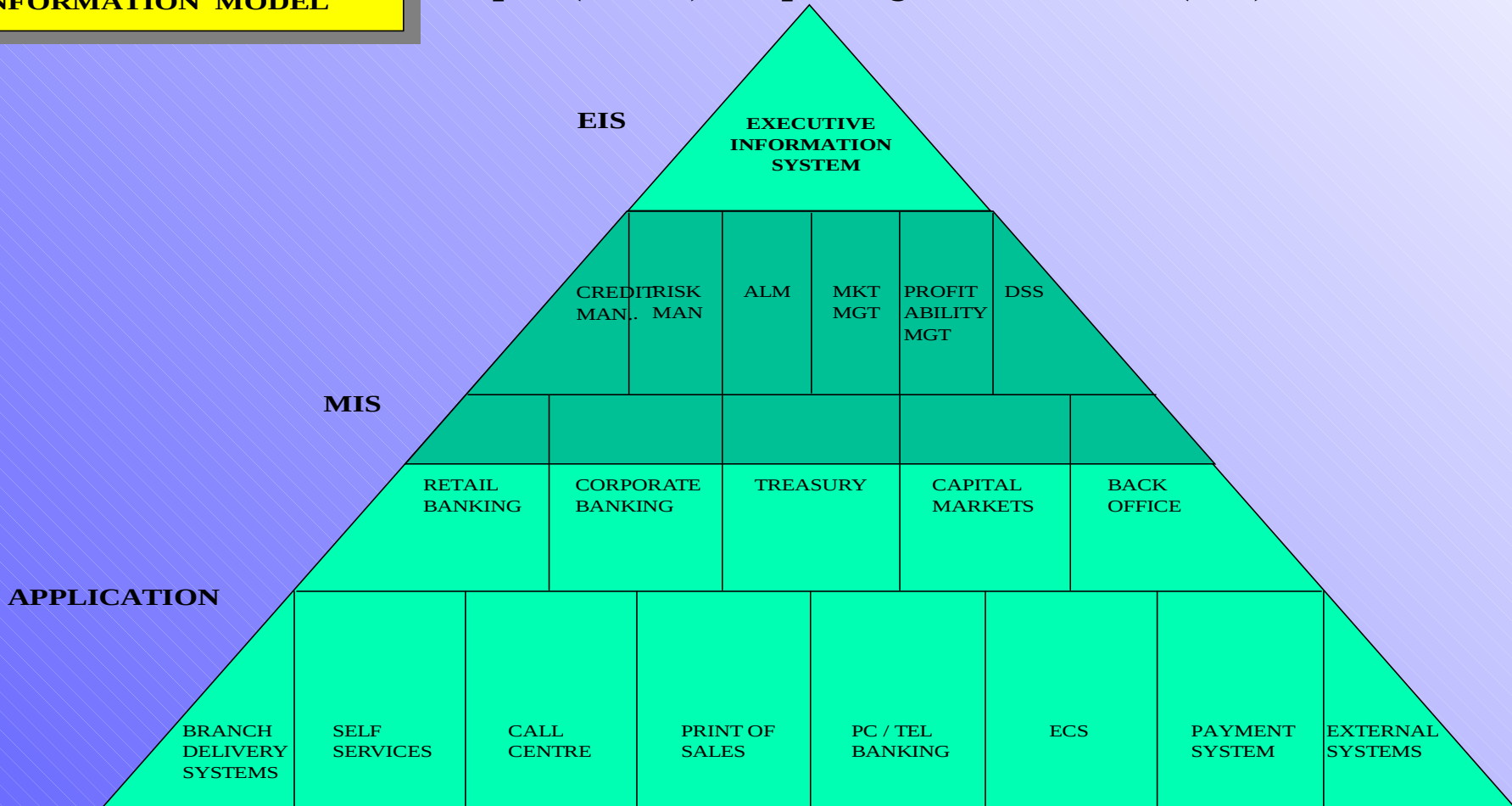


# Lớp cấu trúc nghiệp vụ & luồng thông tin



- Lớp 1 (Tear 1): Lớp ứng dụng (Application)**  
**Lớp 2 (Tear 2): Lớp thông tin quản lý (MIS)**  
**Lớp 3 (Tear 3): Lớp thông tin Điều hành (EIS)**

## INFORMATION MODEL



**OPERATION LEVEL : SOLUTION VIEW**



| CORE SYSTEM   |  |  |   | BACK OFFICE |
|---|--|--|---|-------------|
| RETAIL  | CORP   | CAPITAL  | TREASURY  |             |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- DEPOSITS</li> <li>- LOANS</li> <li>- CARDS</li> <li>- CHEQUE</li> <li>- DRAFT</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- CORPORATE FNANCE</li> <li>- INVESTMENT BANKING</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- FUND MANAGEMENT</li> <li>- CUSTODIAN</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- F/X</li> <li>- MONEY MARKET</li> </ul> |             |

| DELIVERY SYSTEM |                 |               |            |          |       | EXTERNAL INTERFACE |   |   |   |   |   |   |   |
|-----------------|-----------------|---------------|------------|----------|-------|--------------------|---|---|---|---|---|---|---|
| - BRANCH        | - SELF SERVICES | - CALL CENTRE | - INTERNET | - PC/TEL | - POS | S                  | T | E | E | E | S | G | D |
|                 |                 |               |            |          |       | W                  | E | D | F | C | W | I | E |
|                 |                 |               |            |          |       | I                  | L | I | I | S | I | R | A |
|                 |                 |               |            |          |       | F                  | E |   |   |   | T | O | L |
|                 |                 |               |            |          |       | T                  | X |   |   |   | C |   | I |
|                 |                 |               |            |          |       |                    |   |   |   |   | H |   | N |
|                 |                 |               |            |          |       |                    |   |   |   |   |   |   | G |

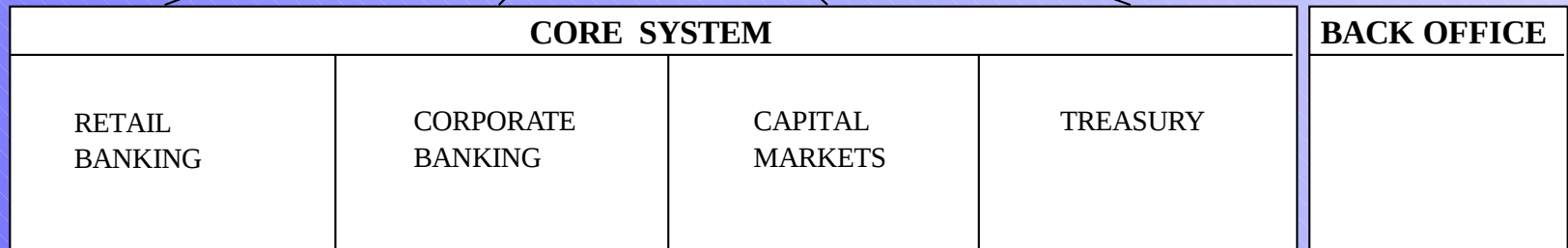
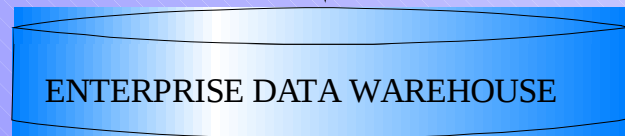
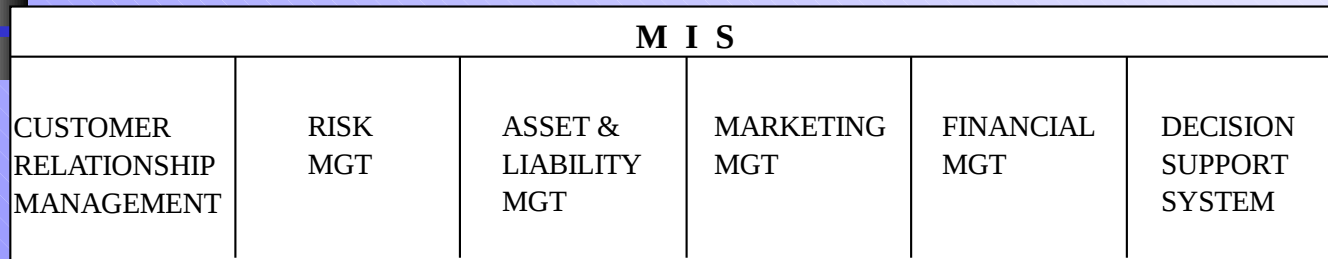
|        |           |                          |
|--------|-----------|--------------------------|
| RETAIL | CORPORATE | FINANCIAL - INSTITUTIONS |
|--------|-----------|--------------------------|



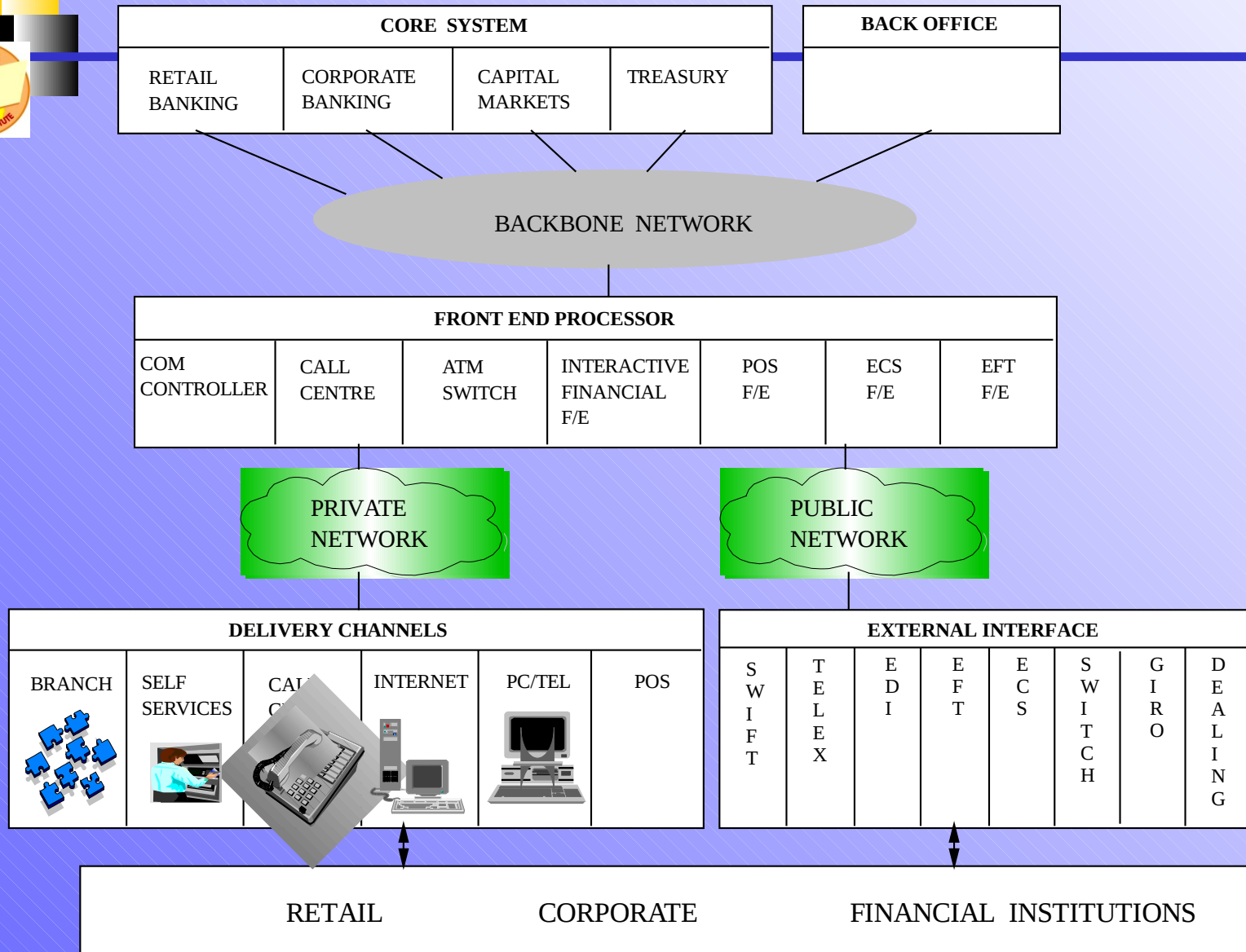
| <b>MANAGEMENT INFORMATION SYSTEM</b>   |             |                             |                  |                  |                               |
|--|-------------|-----------------------------|------------------|------------------|-------------------------------|
| CUSTOMER<br>RELATIONSHIP<br>MANAGEMENT | RISK<br>MGT | ASSET &<br>LIABILITY<br>MGT | MARKETING<br>MGT | FINANCIAL<br>MGT | DECISION<br>SUPPORT<br>SYSTEM |

| <b>CORE SYSTEM</b> |                      |                    |          | <b>BACK OFFICE</b> |
|--------------------|----------------------|--------------------|----------|--------------------|
| RETAIL<br>BANKING  | CORPORATE<br>BANKING | CAPITAL<br>MARKETS | TREASURY |                    |

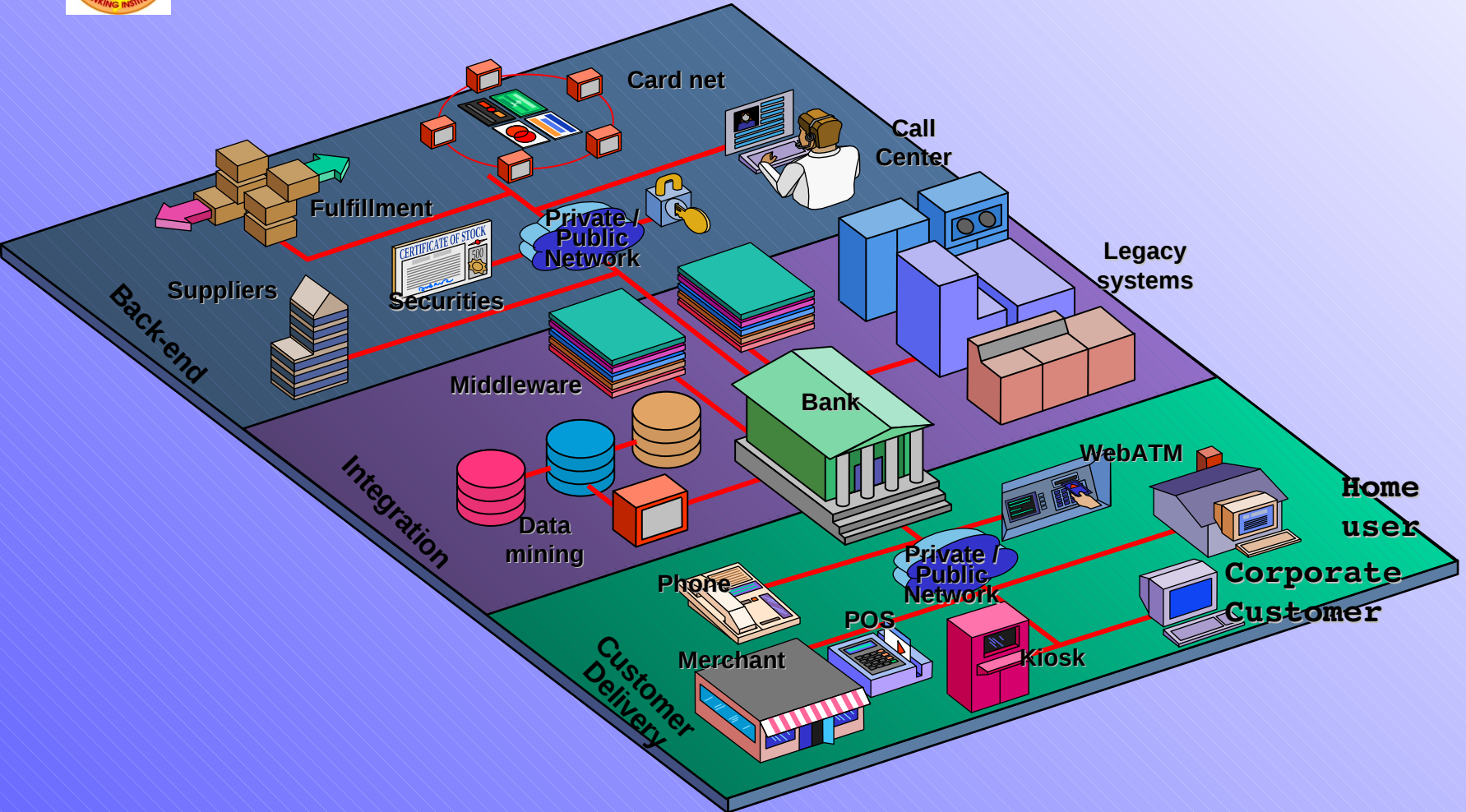
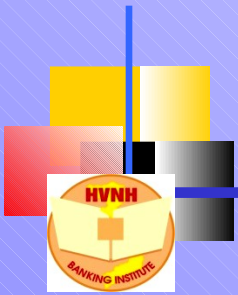
**BUSINESS LEVEL : SYSTEM VIEW**



**OPERATION LEVEL : SYSTEM VIEW**

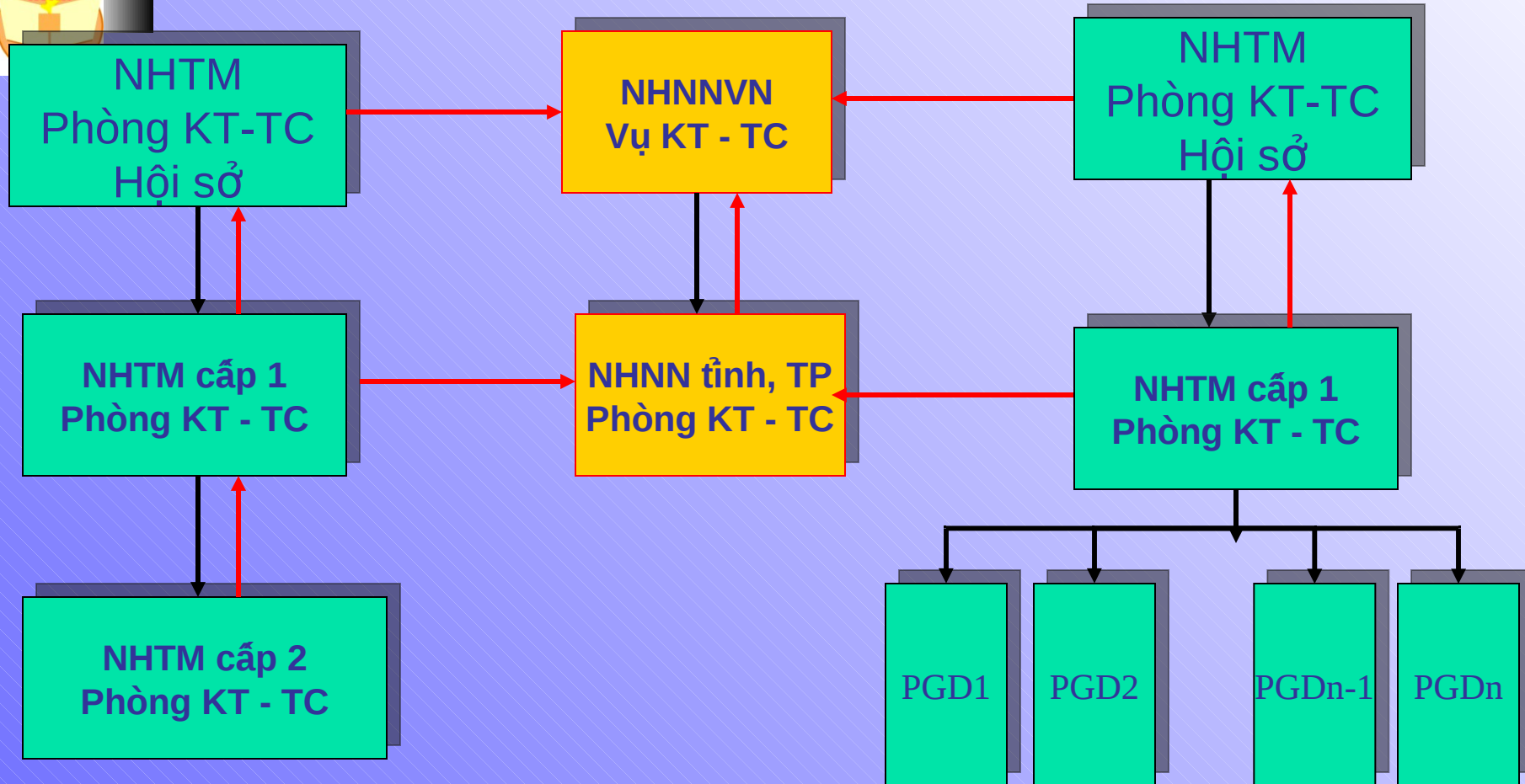


# Cấu trúc Ngân hàng





# Sơ đồ bộ máy kế toán của hệ thống Ngân hàng Việt Nam



# Nội dung tổ chức công tác kế toán ngân hàng



## Nội dung của tổ chức công tác kế toán tại đơn vị ngân hàng

- Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ
  - Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán ngân hàng
  - Tổ chức thực hiện hệ thống báo cáo kế toán
  - Tổ chức vận dụng hình thức kế toán thích hợp
  - Lựa chọn mô hình, tổ chức bộ máy kế toán
  - Tổ chức trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật tiến tới hiện đại hoá công tác kế toán
  - Tổ chức bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ, trình độ quản lý
- Xác định số lượng kế toán
  - Phân định rõ chức năng của từng người, từng bộ phận
  - Xây dựng quy trình luân chuyển chứng từ, tài liệu, thông tin.

# Yêu cầu tổ chức lao động kế toán ngân hàng



Đảm bảo hoạt động kế toán được tiến hành trôi chảy, an toàn, thuận tiện & nhanh chóng, chính xác có tính đến hệ thống kế toán tự động

- Đảm bảo nguyên tắc luân chuyển CtỪ, kiểm soát nội bộ trong toàn hệ thống nhằm bảo vệ an toàn tài sản
- Thời gian giao dịch tối thiểu, an toàn chính xác
- Đẩy dịch vụ Ngân hàng ra khỏi Ngân hàng, thực hiện giao dịch 24/24; 7/7 & 365/365
- Sử dụng cơ chế tự động, tạm lưu & chuyển tiếp cao
- Kết hợp giao dịch với khách hàng & kiểm soát xử lý nghiệp vụ

# Các nguyên tắc, yêu cầu kế toán cơ bản áp dụng trong ngân hàng



## *Các yêu cầu kế toán cơ bản*

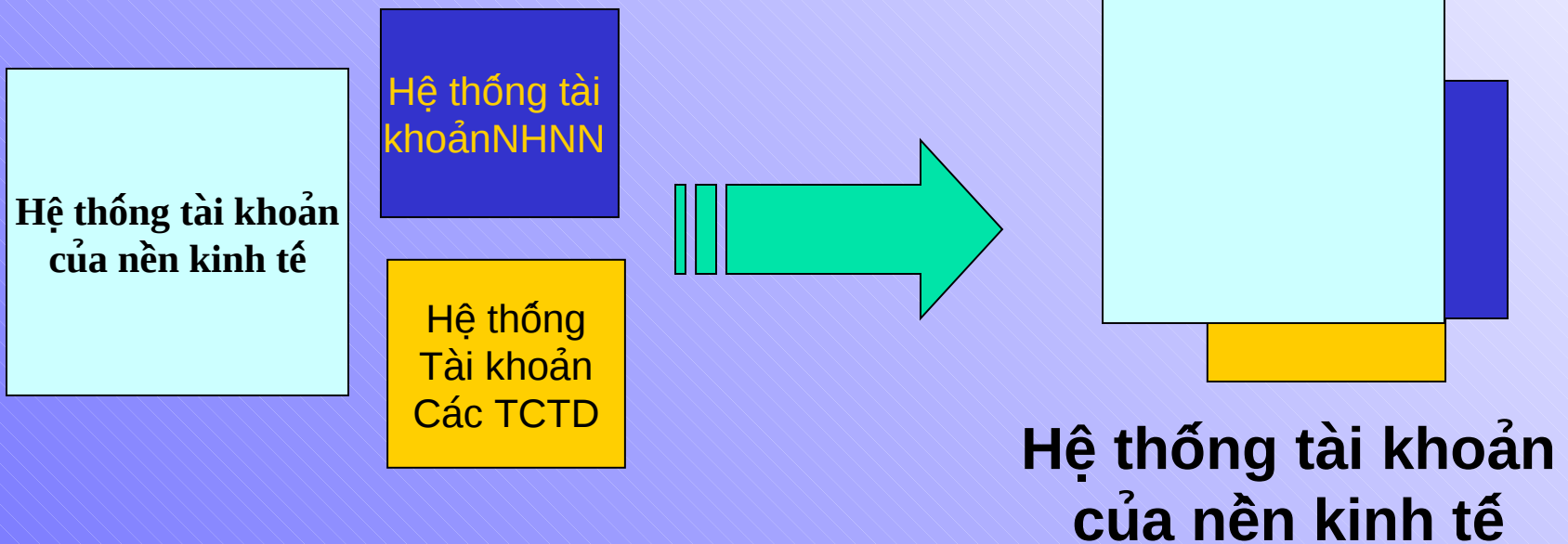
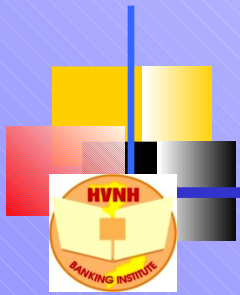
- Phản ánh đầy đủ nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh vào chứng từ kế toán, sổ kế toán, báo cáo kế toán.
- Phản ánh kịp thời, đúng thời gian quy định thông tin, số liệu kế toán.
- Phản ánh rõ ràng, dễ hiểu và chính xác thông tin, số liệu kế toán.
- Phản ánh trung thực hiện trạng, bản chất sự việc, nội dung và giá trị của nghiệp vụ kinh tế tài chính.
- Thông tin, số liệu kế toán phải được phản ánh liên tục, kế tiếp theo số liệu kế toán của kỳ trước.
- Phân loại, sắp xếp thông tin, số liệu kế toán theo trình tự, có hệ thống và có thể so sánh được.

# Tài khoản kế toán ngân hàng

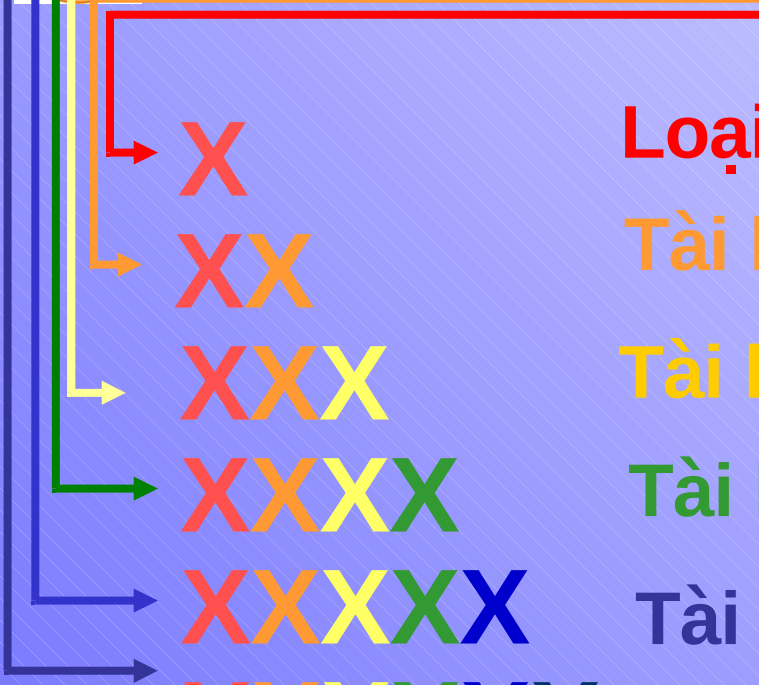
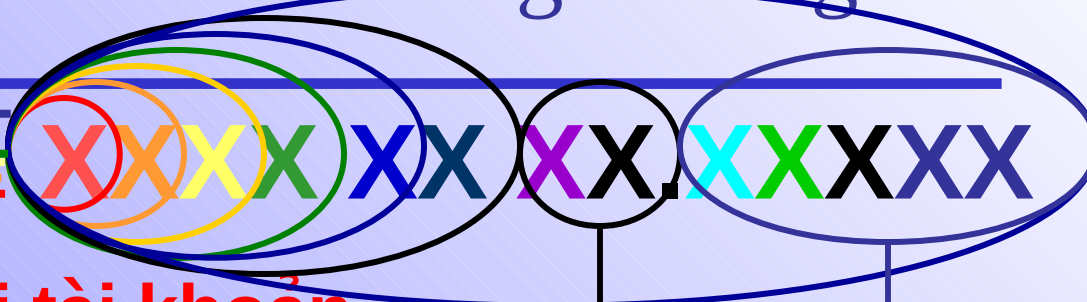
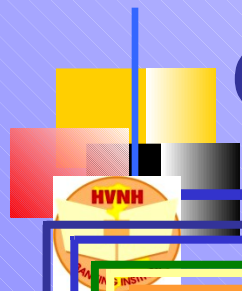


- *Khái niệm: Là một công cụ để ghi chép, phản ánh sự tăng giảm các khoản mục tài sản. Cung cấp thông tin cho QLý,KTra*
- **Đặc điểm:**
  - Tài sản phản ánh trên TK chủ yếu là giá trị
  - Hiện nay không SD tài khoản thống nhất của nền KT
  - Đại bộ phận là tài khoản khách hàng mở, tài khoản nội bộ ít
  - Một số NH xây dựng hệ thống tài khoản khách hàng & hệ thống tài khoản sổ cái

# Mô hình xây dựng hệ thống tài khoản thống nhất cho nền kinh tế



# Cấu trúc tài khoản kế toán Ngân hàng



X  
XX  
XXX  
XXXX  
XXXXX  
XXXXXX  
XX  
XXXXX

**Loại tài khoản**  
Tài khoản cấp I  
Tài khoản cấp II  
Tài khoản cấp III  
Tài khoản cấp IV  
Tài khoản cấp V  
Ký hiệu tiền tệ  
Số chạy tuần tự

# Tài khoản tổng hợp, phân tích

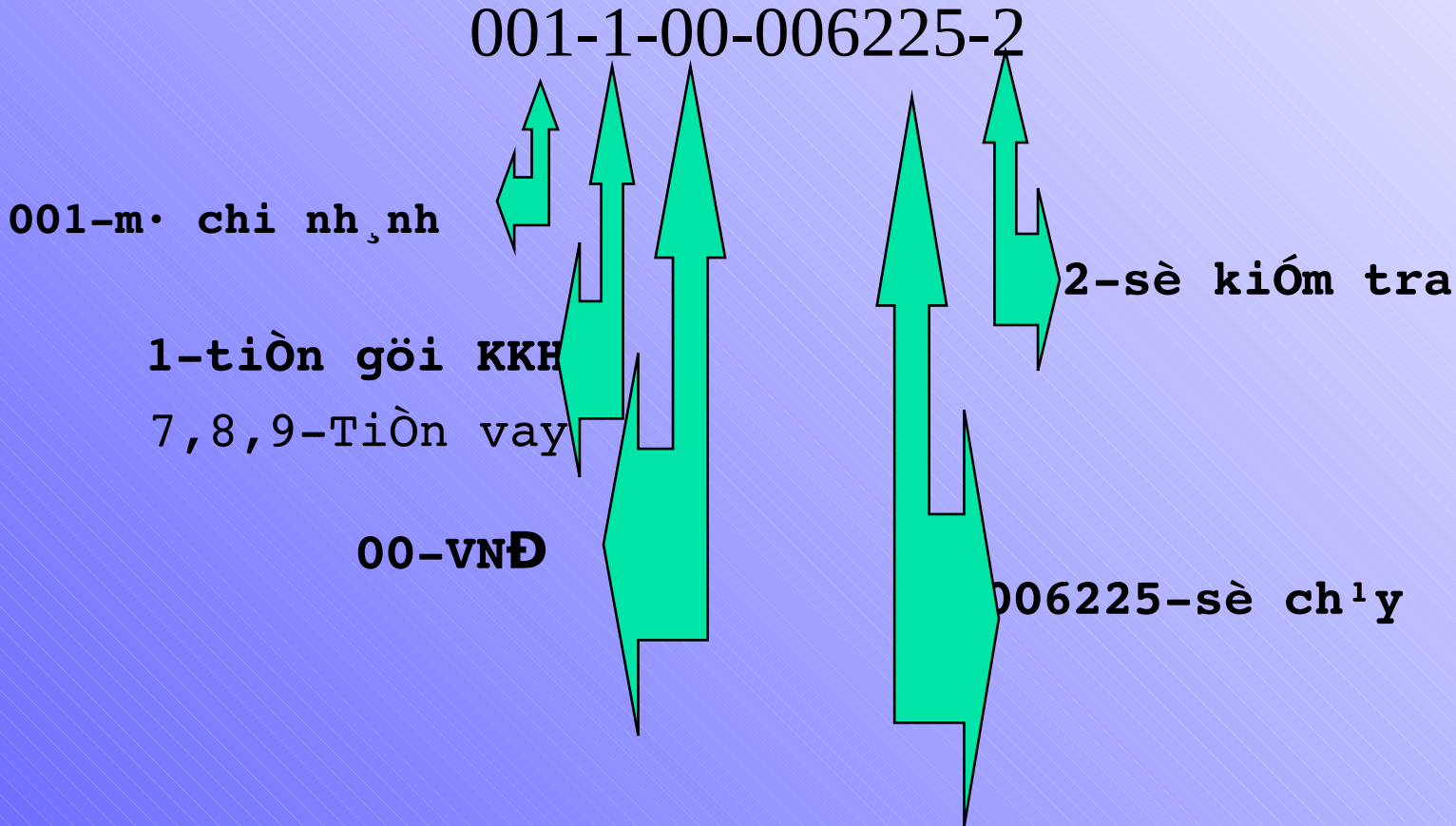


- Tài khoản tổng hợp cấp I Bao gồm 2 chữ số đầu tiên
- Tài khoản tổng hợp cấp II Bao gồm 3 chữ số đầu tiên
- Tài khoản tổng hợp cấp III Bao gồm 4 chữ số đầu tiên
- NHNN quản lý các TCTD đến tài khoản cấp III
- Các tài khoản cấp IV, cấp V các TCTD tự xây dựng
- Tiếp theo là 2 chữ số ký hiệu loại tiền tệ
- Dấu chấm thập phân
- Từ 3-6 chữ số chạy tuần tự
- Tổng tất cả các chữ số trên là tài khoản phân tích hay còn gọi là tài khoản chi tiết
- Tài khoản ngoại bảng cũng tương tự nhưng chỉ QLý đến cấp III

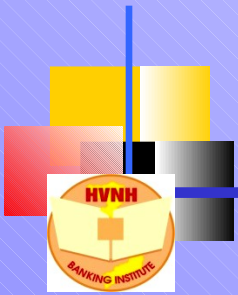


vý đồ

# Cấu trúc tài khoản khách hàng của VCB



# Cấu trúc tài khoản số cái GL của VCB



YYY-XXX-nnnnnnnnnn

M. ngo<sup>1</sup>i t<sup>0</sup>



M. chi nh<sub>h</sub>



Ti<sup>0</sup>u kho<sup>1</sup>n GL

# Ví dụ: Tài khoản sổ cái



➡ 110101001 – Tiền mặt t<sup>1</sup>i quỹ

➡ VND001110101001 – Tiền mặt VNĐ t<sup>1</sup>i quỹ

➡ USD007110101001 – Tiền mặt USD t<sup>1</sup>i quỹ

➡ 260101001 – tiền gửi thanh toán của chi nhánh

➡ 120101001 – tiền gửi t<sup>1</sup>i NHNN

➡ 120101001 – tiền gửi ề ngân hàng nước ngoài

# Nguyên tắc xây dựng hệ thống tài khoản KTNH



Phải phù hợp với luật NHNN, luật TCTD

- Phải phù hợp với chức năng nghiệp vụ của ngân hàng
- Phải phù hợp với hệ thống chỉ tiêu của nền kinh tế
- Phải phù hợp với chuẩn mực khu vực & Quốc tế
- Phải ổn định tương đối trong thời gian dài
- Phải có khả năng tổng hợp và phân tích trên hệ thống công nghệ hiện đại, tiến tới tự động hoá công tác hạch toán kế toán.
- Phải XD hệ thống tài khoản “MỞ”, để phát triển trong tương lai

# Khái niệm, ý nghĩa



Khái niệm: Là bằng chứng chứng minh tính hợp pháp hợp lệ các nghiệp vụ kinh tế đã & đang diễn ra tại các cơ quan NH, là căn cứ để hạch toán

- Ý nghĩa:
  - Là căn cứ pháp lý để ghi sổ, kiểm soát, kiểm toán, thanh tra.
  - Là công cụ hữu hiệu trong việc bảo vệ an toàn tài sản NH
  - Tăng cường & củng cố chế độ hạch toán kinh tế
  - Cung cấp thông tin kinh tế tài chính phục vụ quản lý, quản trị kinh doanh ngân hàng.

# Đặc điểm chứng từ KTNH



- Có khối lượng lớn, quy trình luân chuyển phức tạp
- Chủ yếu do khách hàng lập và nộp vào ngân hàng
- Sử dụng cả chứng từ giấy thông thường và chứng từ điện tử.
- Thường sử dụng chứng từ gốc kèm ghi sổ
- Lưu trữ chứng từ lâu dài và bảo quản khá phức tạp
- Một số chứng từ không tuân theo chuẩn, không nằm trong hệ thống chứng từ do bộ Tài chính ban hành.

# Chứng từ điện tử



- **Khái niệm:** Là chứng từ với đầy đủ nội hàm của nó. Tuy nhiên, nó tồn tại dưới dạng thông tin điện tử trên các vật mang tin.
- **Đặc điểm**
  - Có khả năng lưu trữ khối lượng lớn, lâu dài
  - Thời gian truy xuất thông tin nhanh chóng, chính xác
  - Thời gian luân chuyển chứng từ an toàn thuận tiện nhanh chóng, chính xác
  - Hỗ trợ các nghiệp vụ ngân hàng hiện đại
- **Điều kiện**
  - Cần có nền tảng công nghệ, viễn thông hiện đại
  - Có môi trường pháp lý ổn định,
  - Trình độ dân trí cao, trình độ quản lý của cán bộ ngân hàng cao
  - Đòi hỏi hệ thống bảo mật cao

# Tổ chức luân chuyển chứng từ



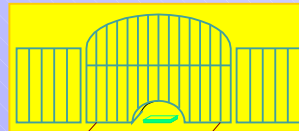
- Khái niệm: Là trật tự & các giai đoạn chứng từ phải trải qua kể từ khi phát sinh đến khi lưu trữ.
- Ý nghĩa:
  - Việc tổ chức hạch toán sẽ an toàn, nhanh chóng, chính xác. Tăng NS lao động, tăng nhanh vòng quay vốn
  - Cung cấp thông tin kịp thời cho QL, QT, KD ngân hàng
  - Góp phần tăng cường kỷ luật tài chính củng cố chế độ hạch toán, ngăn chặn, hạn chế tham ô lợi dụng...



# Giá sản phẩm dịch vụ theo WB



Bank Clerk



\$USD 2.75

Call Cente (Human)



\$USD 1.50

ATM Transaction



\$USD 0.25

Internet Banking



\$USD 0.005

# Xin trân trọng cảm ơn

---



- [thinhvnh@yahoo.com](mailto:thinhvnh@yahoo.com)
- 0983505467
- 048525995